

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2019

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thạch Thị Lan Nhung**.

2. Bà **Pang Ting Suyl**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T**. Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 183 tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức C**. Sinh năm: 1990.

HKTT: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(*Tại phiên tòa: Chị T có mặt; anh C vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị T trình bày:

Chị xây dựng gia đình với anh **Vũ Đức C** vào năm 2010, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C chơi bời, không lo lắng cho vợ con. Chị đã khuyên ngăn, cho anh C cơ hội nhiều lần để sửa đổi nhưng anh C vẫn không sửa đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/5/2012, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Vũ Đức C trình bày:

Anh xây dựng gia đình, kết hôn với chị T như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận đến năm 2016 không biết vì lý do gì chị T lại bỏ về nhà bố mẹ để sống cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng hàn gắn lại.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ tài sản của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh C không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh C; Về con chung: Giao con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/5/2012 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Vũ Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vũ Đức C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Trong lời khai, anh C không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải nhưng cả hai lần Tòa án thông báo hòa giải anh C đều vắng mặt và anh C cũng vắng mặt tại phiên tòa, điều này chứng tỏ anh C không hề có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Hơn nữa, qua kết quả xác minh xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã trầm trọng, kéo dài nên nếu tiếp tục quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên đương sự. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh C được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh C có một con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/5/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh C cũng yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa Trẻ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ nên để ổn định về T sinh lý của Trẻ khi bố mẹ ly hôn cần căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T, xử cho chị Trần Thị Thanh T và anh Vũ Đức C được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/5/2012 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000929 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/6/2019). Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Trung Kiên

